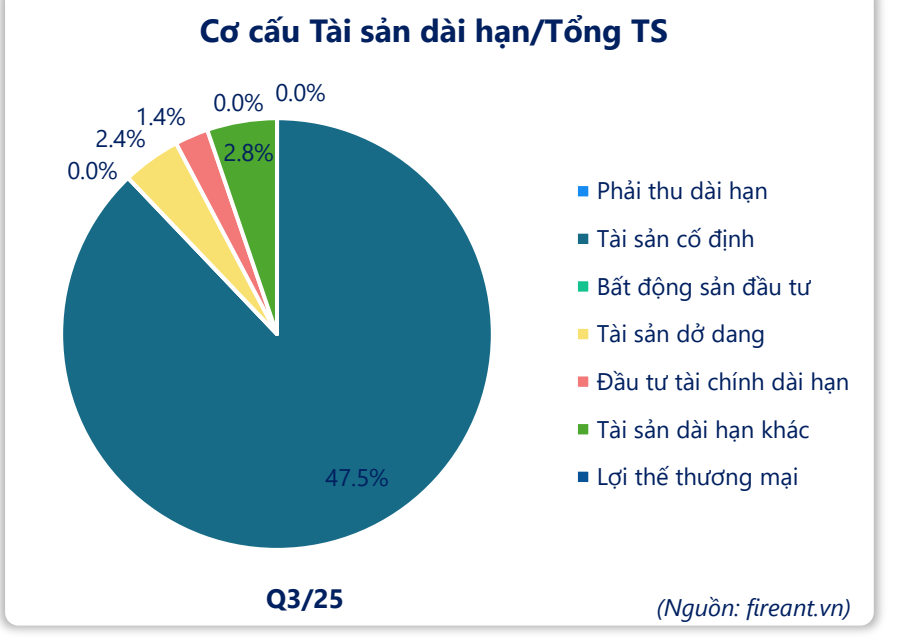
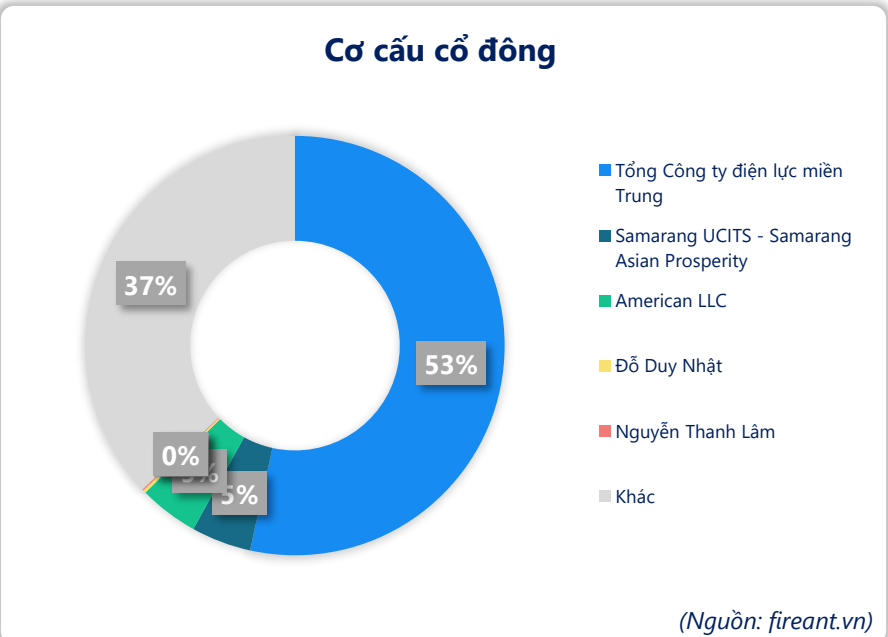
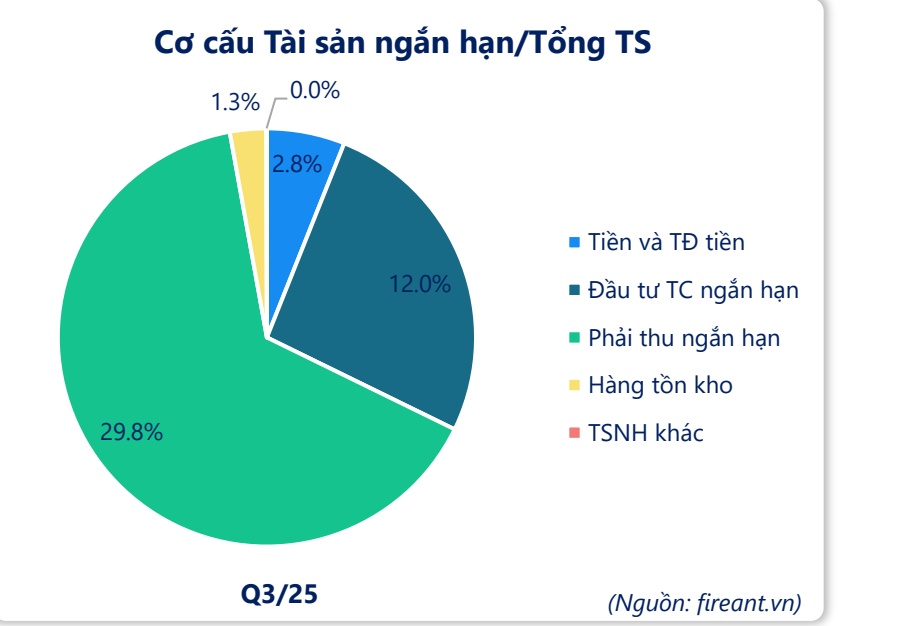
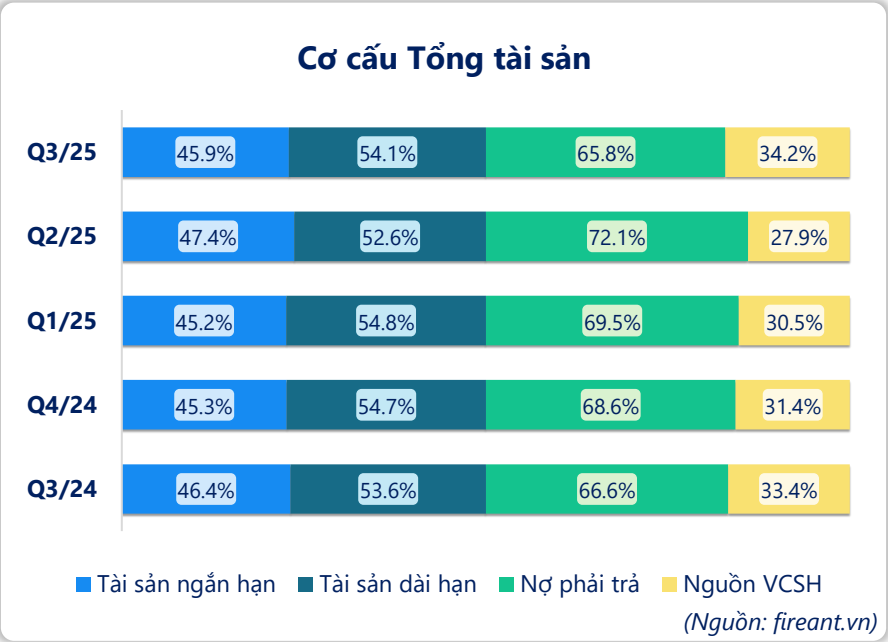
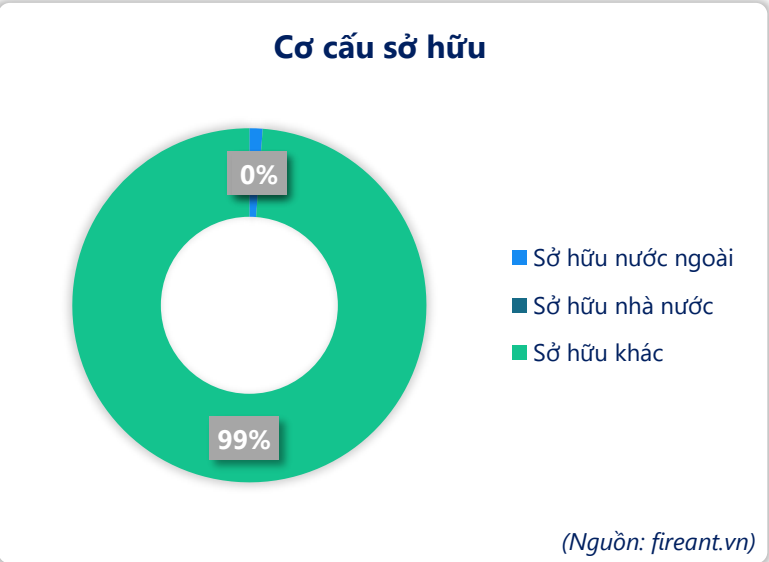
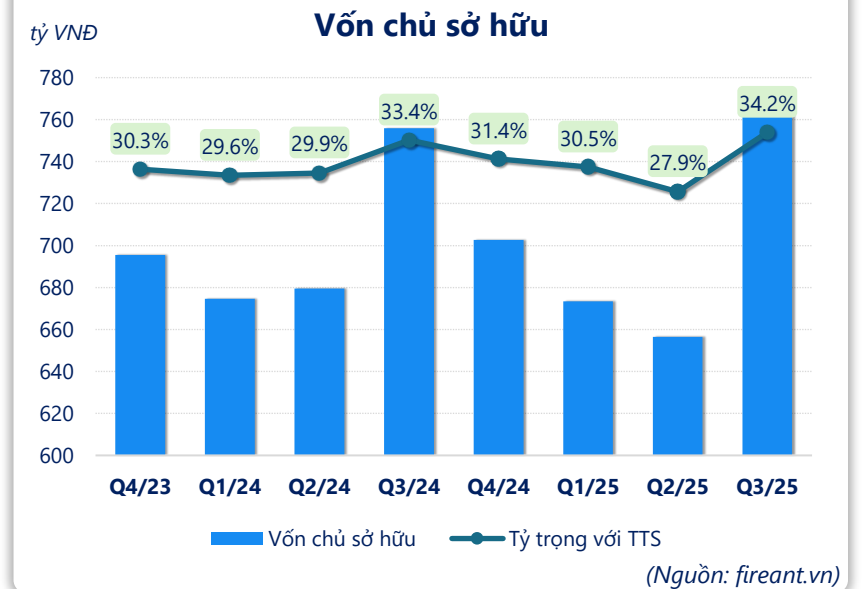
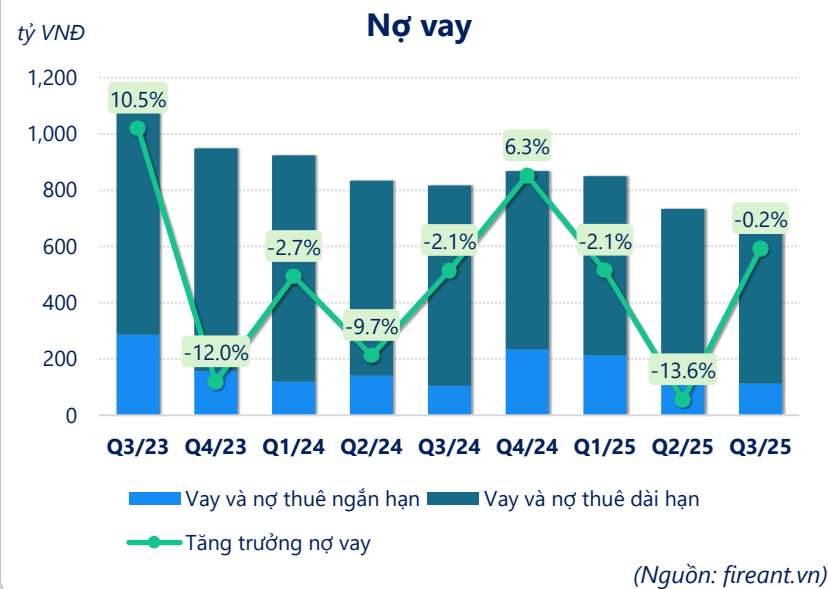
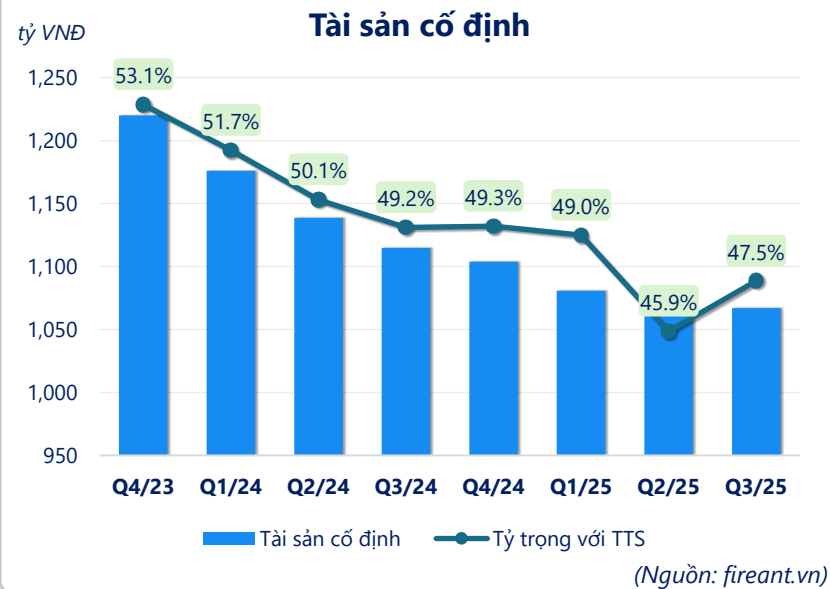
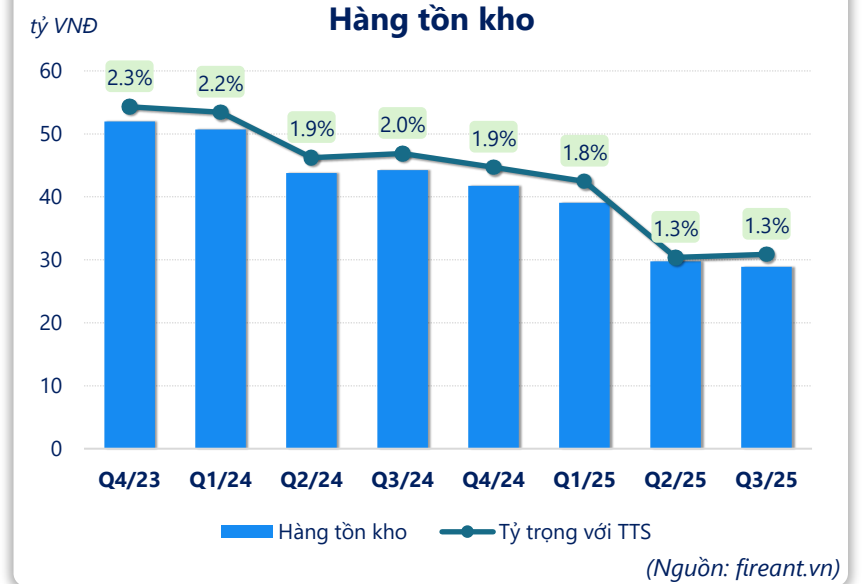
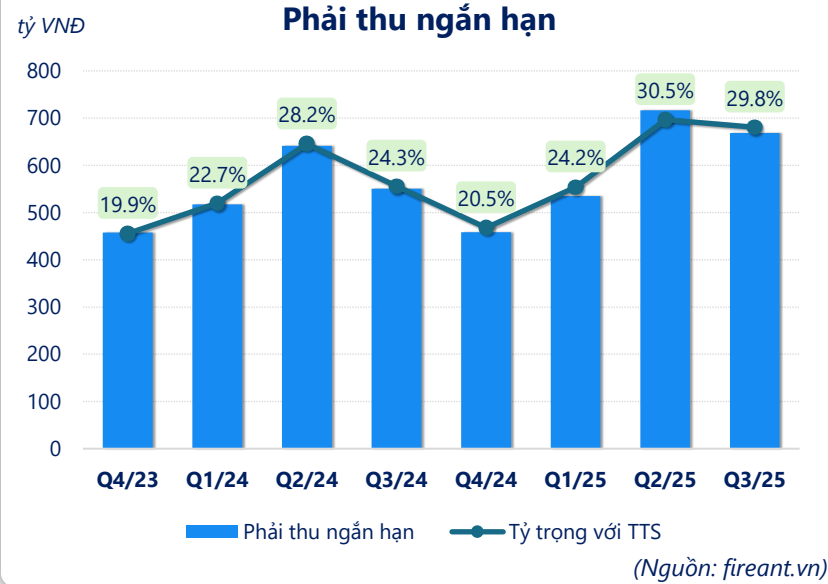
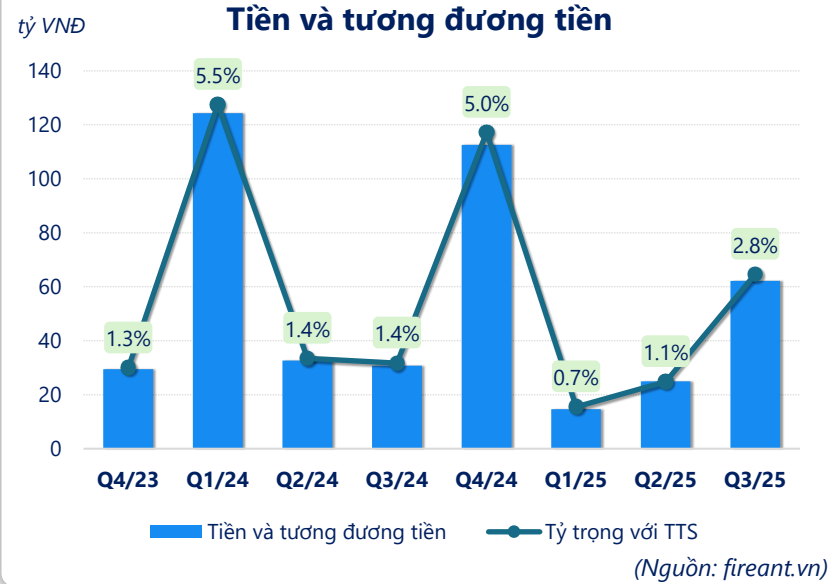
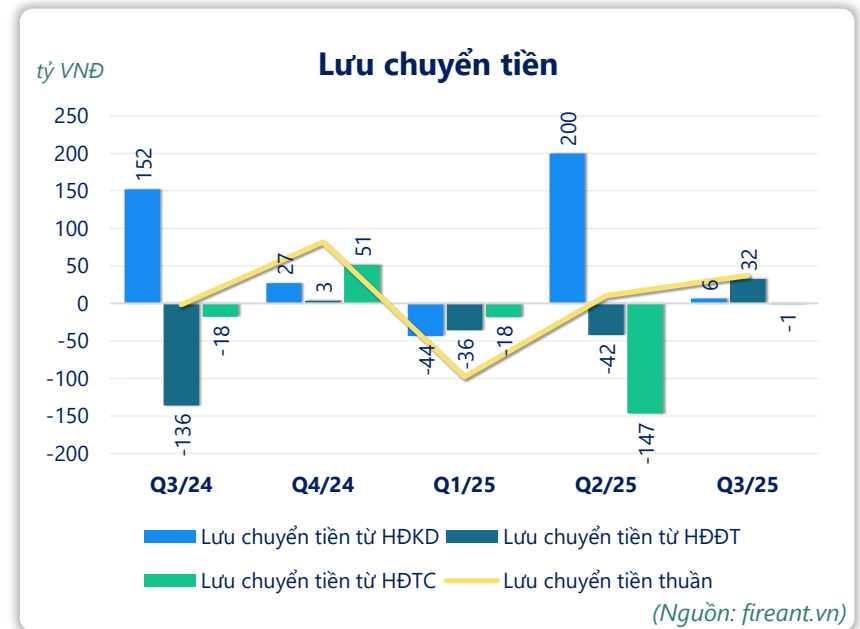
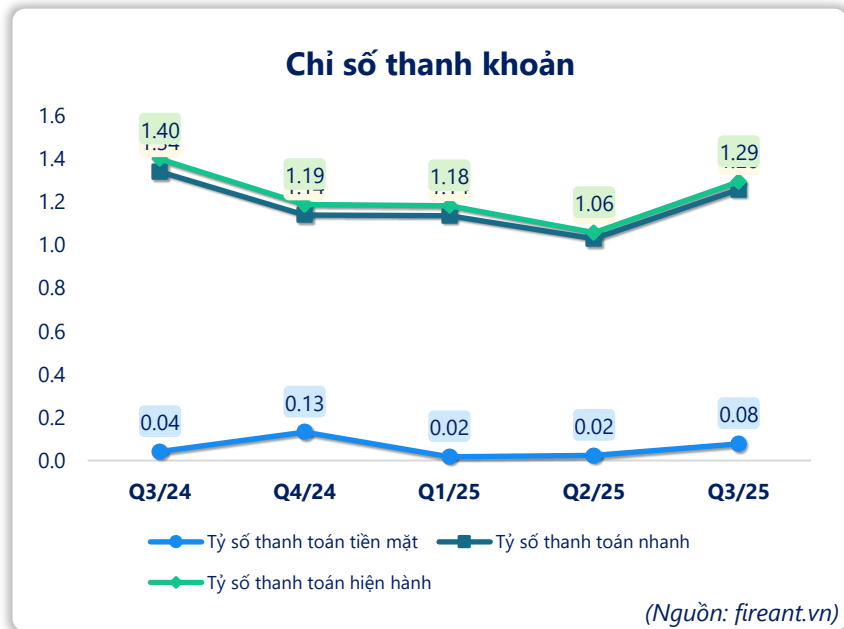
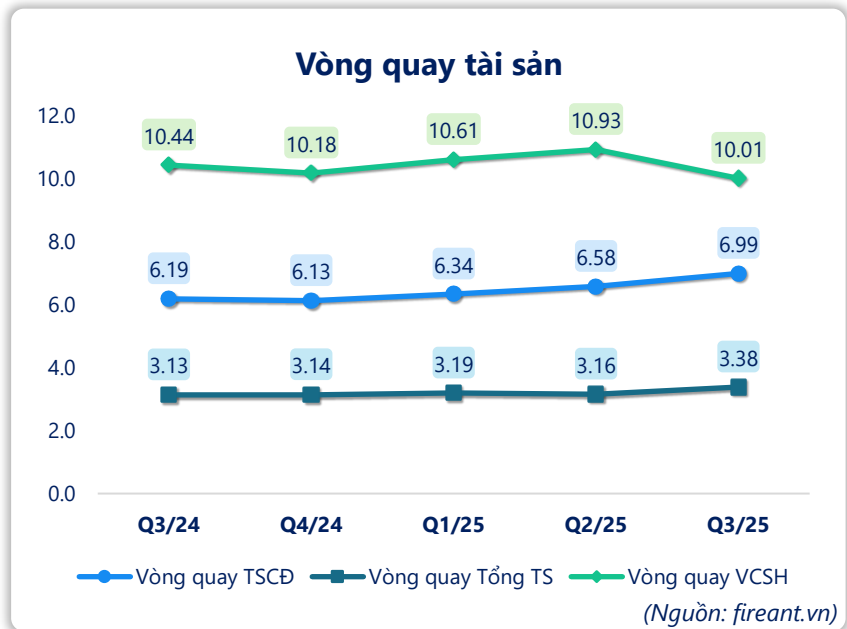
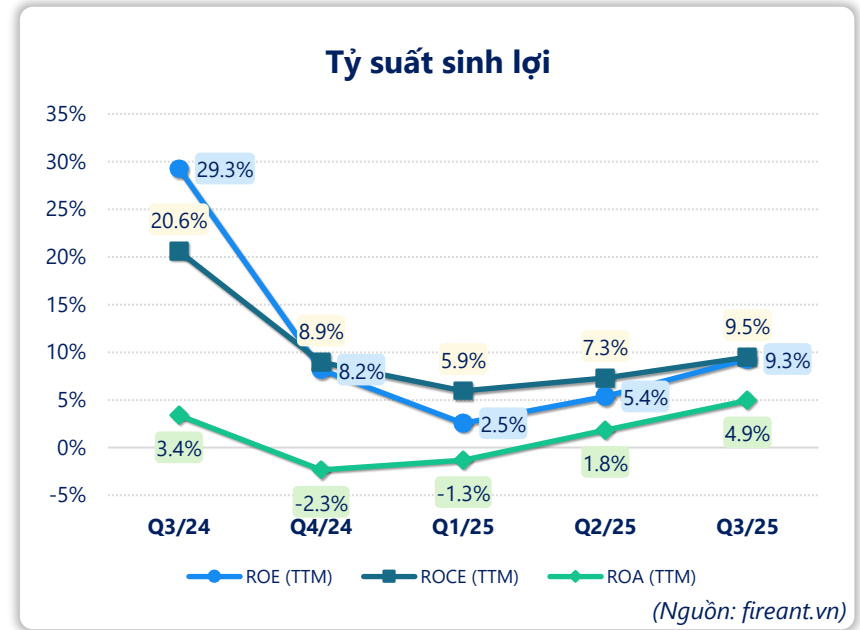
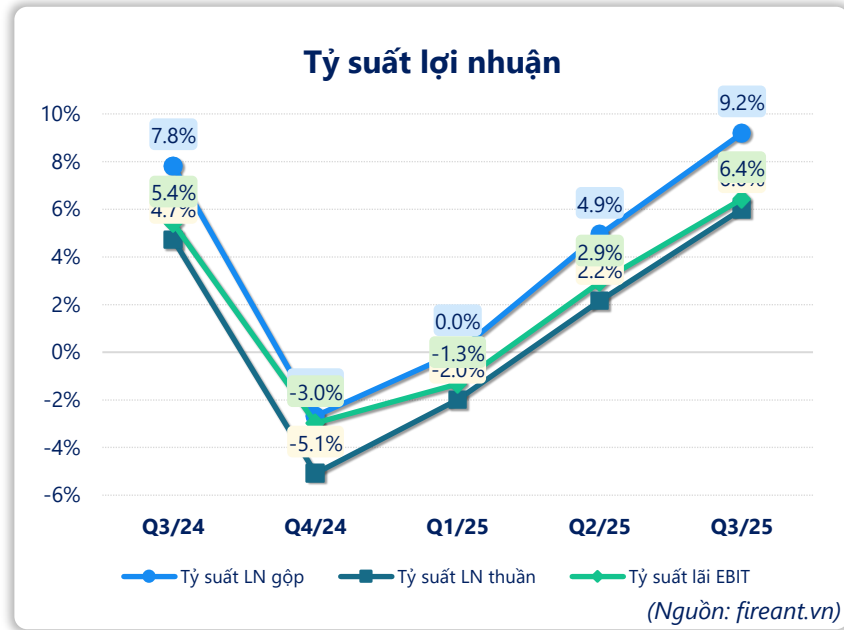
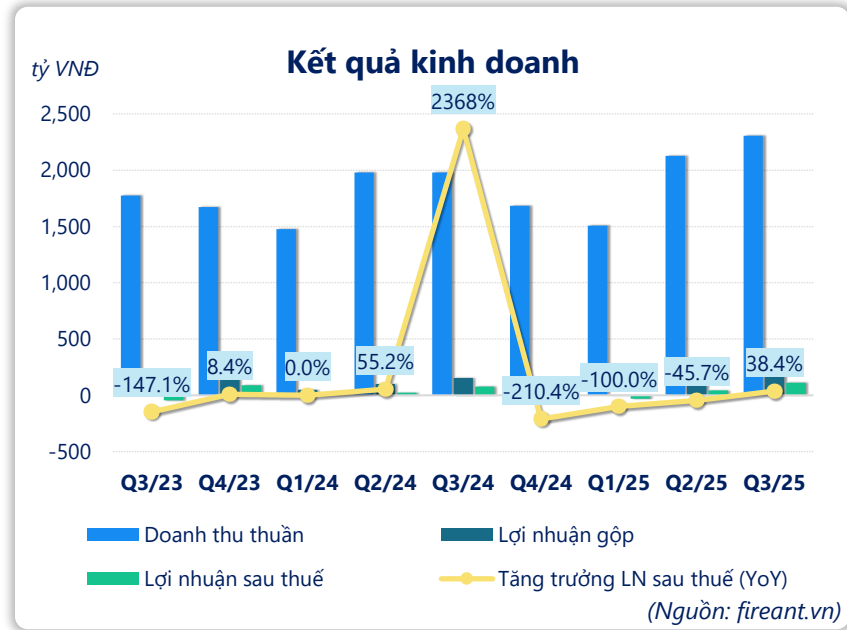


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,745
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,809
SL cổ phiếu LH		60,376,746
KLGD BQ 20 phiên (CP)		58,465
% sở hữu nước ngoài		1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		761
P/E		10.8
EPS		1,172

	YTD	1T	3T	6T
KHP	-0.7%	0.0%	4.1%	20.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,244	2,260	-0.7%
Tài sản ngắn hạn	1,030	1,031	-0.1%
Tiền và tương đương tiền	62.2	113	-44.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	270	370	-27.0%
Phải thu ngắn hạn	669	459	45.8%
Hàng tồn kho	28.9	41.8	-30.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.51	48.2	-98.9%
Tài sản dài hạn	1,214	1,229	-1.2%
Phải thu dài hạn	0.11	1.60	-93.4%
Tài sản cố định	1,067	1,104	-3.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	53.2	25.7	107%
Đầu tư tài chính dài hạn	30.4	30.4	0.0%
Tài sản dài hạn khác	63.6	67.8	-6.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,477	1,557	-5.2%
Nợ ngắn hạn	796	873	-8.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	113	234	-51.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	304	465	-34.6%
Nợ dài hạn	680	684	-0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	619	633	-2.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	768	703	9.2%
Vốn chủ sở hữu	768	703	9.2%
Vốn điều lệ	604	604	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,979	1,684	1,508	2,128	2,307
Giá vốn hàng bán	1,824	1,729	1,508	2,023	2,095
Lợi nhuận gộp	155	-45.0	0.10	105	212
Doanh thu HĐTC	1.66	9.25	5.30	4.92	2.04
Chi phí TC	10.6	18.2	9.78	17.7	9.40
Chi phí lãi vay	10.6	18.2	9.78	16.7	9.35
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	31.1	7.36	12.9	19.9	24.9
Chi phí QLDN	21.1	24.2	12.7	26.3	41.1
LN thuần từ HĐKD	93.3	-85.6	-30.0	45.9	139
Lợi nhuận khác	3.03	17.4	0.11	-0.22	0.36
LN trước thuế	96.4	-68.2	-29.9	45.6	139
Lợi nhuận sau thuế	76.4	-53.1	-29.9	42.4	111
LNST của CĐ cty mẹ	76.4	-53.1	-29.9	42.4	111

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	152	27.1	-43.6	200	6.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-136	3.36	-36.0	-42.3	32.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.8	51.3	-18.3	-147	-1.43
Tiền đầu kỳ	32.6	30.8	113	14.7	25.0
Lưu chuyển tiền thuần	-1.80	81.7	-97.9	10.4	37.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	30.8	113	14.7	25.0	62.2

(Nguồn: fireant.vn)